

Bản án số: 54/2020/HS-PT

Ngày: 31-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 40/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị N do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Bị cáo có kháng cáo:

TRẦN THỊ N, sinh năm 1967, tại: Bình Thuận

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 1, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần B và bà Nguyễn Thị T; Chồng: Không có; Con: Trần Thị Mỹ L; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, hiện đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Cao Đ - Công ty Luật TNHH Nguyễn Khang và Cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: UBND thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận do ông Nguyễn Phùng Trường N - Chủ tịch (đại diện). Ông Nguyễn ủy quyền cho ông Huỳnh E - Phó Chủ tịch. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/3/2019 bị cáo Trần Thị N tập kết vật liệu xây dựng (đất, cát, sắt, thép, xi măng...) để tại 02 lô đất số A8 và A9 thuộc Khu dân cư A3, thị trấn H, là đất công do Nhà nước quản lý nhằm chiếm đất xây dựng nhà ở. Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H phát hiện, tiến hành làm việc, yêu cầu bị cáo không được tác động tới đất và di dời vật liệu ra khỏi vị trí đất. Bị cáo N đã đồng ý.

Đến tối ngày 16/3/2019 (nhằm ngày thứ bảy) bị cáo N tiếp tục thuê xe múc kiềng để xây dựng nhà ở trên 02 lô đất A8 và A9 với diện tích 200m². UBND thị trấn H phát hiện, mời bị cáo N làm việc nhưng bà không chấp hành. Đến ngày 20/3/2019, bị cáo đến UBND thị trấn H để làm việc, đại diện UBND thị trấn H yêu cầu bị cáo phải khôi phục tình trạng đất như trước khi vi phạm nhưng bị cáo không thực hiện.

Ngày 02/4/2019, Tổ kiểm tra đất đai của UBND thị trấn H kiểm tra phát hiện bị cáo N tiếp tục có hành vi chiếm đất với diện tích 200m² thuộc thửa đất số A8 và A9 của khu dân cư A3 nằm trong tọa độ M1 (524541.93-1241946.61); M2 (524525.06-1241934.46); M3 (524531.59-1241927.40); M4 (524547.31-1241939.71) bằng hình thức thuê người đổ móng nhà, dựng 11 cây trụ sắt cao 4,5 mét nhằm đổ trụ bê tông. UBND thị trấn H tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 10/BB-VPHC ngày 02/4/2019 và có Tờ trình đến UBND huyện P đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo. Ngày 03/4/2019, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bị cáo, mức phạt 7.500.000 đồng, buộc bị cáo N khôi phục tình trạng đất như trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn chiếm. Ngày 19/4/2019, bị cáo N chấp hành nộp phạt 7.500.000 đồng nhưng không khôi phục tình trạng của đất.

Ngày 24/8/2019 (thứ bảy), Tổ kiểm tra đất đai của UBND thị trấn H kiểm tra phát hiện bị cáo N tiếp tục có hành vi chiếm đất tại lô đất số A7 của Khu dân cư A3 nằm trong tọa độ M1 (524541.93-1241946.61); M4 (524547.31-1241939.71); M5 (524551.65-1241934.22; M6 (524535.94-1241922.08) bằng hình thức san ủi diện tích 100m² đất, mua vật liệu và thuê thợ xây nhà tiền chế có diện tích 35m² (09 trụ sắt tròn cao 2,2m, phần khung sắt không, đã lợp tol thiếc phần mái) để ở. Ngày 27/8/2019, UBND thị trấn H tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính lần 2 và chuyển hồ sơ vi phạm của Trần Thị N đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện P xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”

Áp dụng: khoản 1 Điều 228; điểm i khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật hình sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên phạt bị cáo Trần Thị N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, bị cáo kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Luật sư Đ người bào chữa cho bị cáo N: Bị cáo không phạm tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*” vì hành vi xây dựng nhà của bị cáo năm 2019 là hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng, không phải là hành vi lấn chiếm đất; UBND thị trấn H không phải là đơn vị quản lý đất đai; bị cáo N là chủ thể sử dụng các lô đất A7, A8 và A9 thuộc Khu đô thị A3 tại khu phố 1, thị trấn H vì các lô đất này nằm trong diện tích 2.800m² đất mà gia đình bị cáo đã khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1964 và không ai tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo N không phạm tội, công nhận quyền sử dụng diện tích 200m² đất tại Khu phố 1, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận cho bị cáo N; kiến nghị Ủy ban cấp giấy chứng nhận cho bị cáo N.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Bị cáo đã có hành vi lấn chiếm đất, sử dụng đất trái với các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai. Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn tiếp tục vi phạm. Vì vậy, Án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*” và xử phạt bị cáo Trần Thị N số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị giữ nguyên tội danh, hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội. Như vậy, giới hạn của việc xét xử phúc thẩm là xem xét bị cáo có phạm tội hay không.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai báo hành vi phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Các lô đất số A7, A8 và A9 thuộc Khu đô thị A3 tại khu phố 1, thị trấn H thuộc sự quản lý của UBND thị trấn H theo Quyết định số 2739/QĐ/CT-UBND ngày 22/12/2000 của UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt quy hoạch phân lô các Khu dân cư A3, A4, A5 thị trấn H, huyện P; Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 16/5/2006 của UBND huyện P phê duyệt mặt bằng, phân lô chi tiết khu dân cư A3 và Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện P.

Từ ngày 08/3/2019 đến ngày 24/8/2019, bị cáo N tự ý chiếm đất để xây dựng nhà ở có diện tích 200m² nằm trên lô đất A8 và A9. Ngày 03/4/2019 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bị cáo, mức phạt 7.500.000 đồng, buộc bị cáo N khôi phục tình trạng của đất như trước khi vi phạm và trả lại đất đã lấn chiếm.

Ngày 04 tháng 8 năm 2019, bị cáo N khiếu nại Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P; Ngày 30 tháng 7 năm 2019, Chủ tịch

UBND huyện P ban hành Quyết định số 3134/QĐ- UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bị cáo đối với Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, bị cáo N tiếp tục khiếu nại Quyết định số 3134/QĐ- UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện P đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, bị cáo N có đơn xin rút khiếu nại đối với Quyết định số 3134/QĐ- UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện P;

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2793/QĐ-UBND đình chỉ việc giải quyết khiếu nại của bị cáo N đối với Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện P.

Như vậy, mặc dù tại thời điểm ngày 24/8/2019, khi bị cáo tiếp tục có hành vi chiếm 100m² đất thuộc lô số A7 và bị UBND thị trấn H lập biên bản vi phạm hành chính lần 2, Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P chưa có kết quả giải quyết khiếu nại cuối cùng. Tuy nhiên tới thời điểm bị cáo bị khởi tố, cũng như đến thời điểm xét xử phúc thẩm vụ án, không có căn cứ cho rằng Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P là trái quy định của pháp luật. Do vậy, Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2019 Chủ tịch UBND huyện P được xem là tình tiết “*đã bị xử phạt vi phạm hành chính*” đối với bị cáo N.

Luật sư của bị cáo cho rằng, hành vi xây dựng nhà của bị cáo năm 2019 là hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng, không phải là hành vi lấn chiếm đất. Tuy nhiên, tại Biên bản vi phạm hành chính do UBND thị trấn H lập ngày 02/4/2019 thể hiện bị cáo đã có hành vi “*Chiếm đất ở đô thị diện tích 200m²*”; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 27/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P cũng xử phạt hành chính bị cáo về hành vi lấn chiếm đất đai.

Luật sư của bị cáo cho rằng UBND thị trấn H không phải là đơn vị quản lý đất đai. Tuy nhiên, Điều 23, Luật đất đai quy định: “*Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương theo thẩm quyền quy định tại Luật này*” và Điều 25, Luật đất đai quy định: “*Công chức địa chính ở xã, phường, thị trấn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý đất đai tại địa phương*”. Như vậy, trong trường hợp này UBND thị trấn H có trách nhiệm quản lý các lô đất A7, A8 và A9 thuộc Khu đô thị A3 tại khu phố 1, thị trấn H.

Luật sư của bị cáo cho rằng, bị cáo là chủ thể sử dụng các lô đất A7, A8 và A9 thuộc Khu đô thị A3 tại khu phố 1, thị trấn H. Điều 5 Luật đất đai quy định: Người sử dụng đất là người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Bị cáo không thuộc trong các trường hợp sử dụng đất nói trên nên không phải là chủ thể sử dụng các lô đất A7, A8 và A9 thuộc Khu đô thị A3.

Điều 228 Bộ luật hình sự quy định: “*Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*

1. *Người nào lấn chiếm đất, chuyển quyền sử dụng đất hoặc sử dụng đất trái với các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai, đã bị xử phạt vi phạm hành*

chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Như vậy, bị cáo đã có hành vi lấn chiếm đất, sử dụng đất trái với các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai. Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn vi phạm. Cho nên, Án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*” là có căn cứ.

[2.2] Về hình phạt: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 27/QĐ-XPVPHC ngày 03/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P đối với bị cáo đã được sử dụng làm tình tiết định tội, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem đây là tiền sự là làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và ngày 13 tháng 11 năm 2019, bị cáo đã cam kết trả lại đất đã lấn chiếm cho Nhà nước nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 để chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn là cảnh cáo. Loại hình phạt này cũng đủ để trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật; các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

[3] Bị cáo kháng cáo yêu cầu tuyên bố bị cáo không phạm tội. Lẽ ra trong trường hợp này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét bị cáo có tội hay không. Tuy nhiên, việc thay đổi loại hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo nên mặc dù giữ nguyên tội danh nhưng cần áp dụng hình phạt thuộc loại nhẹ hơn đối với bị cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị N.
2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 228; điểm b, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 34 Bộ Luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”.

Xử phạt cảnh cáo bị cáo Trần Thị N .

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKS, CA, TA, THA huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- PV06 - Công an tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa hình sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Việt Minh